TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2023/QĐPT-VDS	*Cao Bằng, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản dùng để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Như
Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn
Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên họp: Bà Ma Thị Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 47/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :* Hoàng Thị L (Ln) - sinh năm 1966

Địa chỉ: Ngõ 128, tổ 01, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị N – sinh năm 1940. Địa chỉ: Ngõ 128, tổ 01, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N: Bà Đoàn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

2. Bà Huỳnh Thị Minh H - sinh năm 1974. Địa chỉ: Ngõ 128, tổ 01, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

3. Ông Huỳnh Xuân HN – sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 01, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin vắng mặt

4. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn V

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

5. Ông Huỳnh Tuấn P – sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 8, phường SB, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án tại Đội 29, phân trại số 4, Trại giam P, xã C, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt có lý do

6. Ông Huỳnh Xuân NM – sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 15, phường SH, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

7. Bà Huỳnh Minh HO – sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 11, phường SB, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

8. Ông Huỳnh Xuân HA – sinh năm 1972. Tổ 03, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Người kháng cáo:Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N, bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/7/2022, người yêu cầu bà Hoàng Thị L (Ln) yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung như sau:

Tại Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng tuyên xử buộc bà Hoàng Thị N và bà Huỳnh Thị Minh H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Hoàng Thị L số tiền gốc và lãi là 666.410.958 đ (*Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng*), cụ thể bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L (Ln) số tiền 333.205.479 đồng, bà Huỳnh Thị Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L (Ln) số tiền 333.205.479 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N và bà H không tự giác thanh toán nên bà đã có đơn yêu cầu thi hành án.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố C ra quyết định thi hành án và lập biên bản xác minh điều kiện thi hành án đối với bà N và bà H. Sau đó, Chi cục thi hành án dân sự đã ban hành thông báo số 499/TB-CCTHADS ngày 14/7/2022 gửi bà L, thông báo về việc có quyền làm đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung. Do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị N, Huỳnh Thị Minh H đối với tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15-I-B-c trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 895431 mang tên hộ

bà Hoàng Thị N do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) tỉnh Cao Bằng cấp.

+ Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây cấp IV, diện tích sử dụng khoảng 40m^2, có địa chỉ tại: Số nhà 05, ngõ 128, tổ 02 (nay là tổ 01), phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, hiện nay bà Hoàng Thị N và bà Huỳnh Thị Minh H đang ở.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã lập biên bản làm việc ngày 31/8/2022, theo đó bà Hoàng Thị L (Ln) vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N trình bày:

Số tiền 666. 410.958 đ (*Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng*) là do bà H vay riêng của bà L để đánh đề hay vay nặng lãi bà không biết. Bà không được vay tiền của bà L, bà không nhất trí với yêu cầu của bà L nên bà cũng không nhất trí trả tiền cho bà L. Năm 2008 bà N và 7 người con gồm: Huỳnh Xuân P, Huỳnh Xuân G (đã chết, không có vợ con), Huỳnh Xuân NM, Huỳnh Xuân HN, Huỳnh Thị Minh HO, Huỳnh Xuân HA, Huỳnh Thị Minh H cùng nhau chuyển nhượng ngôi nhà cũ tại phố B, phường HG, thành phố C, số tiền bán nhà có được thì một phần chia cho các con đi ở riêng, phần tiền còn lại 6 người con gồm P, NM, HN, HO, HA, G (phần của ông G do ông G chết nên ông HN giữ và góp cả phần ông G) cùng nhau góp tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất số 177 và ngôi nhà cấp IV trên đất cho bà N quản lý, sử dụng.Thửa đất và ngôi nhà này không có phần của bà H do thời điểm đó H chưa lấy chồng mà giữ lại để khi nào H lấy chồng thì chia. Thửa đất và ngôi nhà này là của bà và 6 người con gồm: Huỳnh Xuân P, Huỳnh Xuân G (đã chết không có vợ con), Huỳnh Xuân NM, Huỳnh Xuân HN, Huỳnh Thị Minh HO, Huỳnh Xuân HA. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông HN bỏ tiền ra sửa ngôi nhà cấp IV hết khoảng 170.000.000 đồng. Ngôi nhà và thửa đất này mua khoảng 190.000.000 đồng. Trong đó mỗi người góp 30.000.000 đồng, còn bà N góp 20.000.000 đồng. Khi làm thủ tục chuyển nhượng do ông HN đứng ra làm thủ tục nhận chuyển nhượng, tuy nhiên khi đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông HN ở xa nên thửa đất này để cho bà N đứng tên.

Bà Huỳnh Thị Minh H nhất trí với toàn bộ ý kiến của bà Hoàng Thị N.

Ý kiến của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C: Chi cục thi hành án dân sự thành phố C đang thi hành Quyết định số 36/2021/QĐ-PT ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C. Theo đó, bà N và bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền gốc và lãi là 666.410.958 đ (*Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng)*.

Sau khi thụ lý vụ việc, Chi cục thi hành án dân sự thành phố C đã phân công cho bà Nguyễn Thị Thúy H - Chấp hành viên phụ trách hồ sơ và thi hành án. Quá trình xác minh bà N, bà H có tài sản duy nhất là nhà và đất tại tổ 01, phường HG, thành phố C, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 895431 có diện tích 59,2m2 tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15-I-B-c do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 08/6/2009 mang tên người sử dụng là hộ

bà Hoàng Thị N. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp IV, diện tích sử dụng khoảng 40m2.

Quá trình tổ chức thi hành án Chấp hành viên đã nhiều lần vận động thuyết phục bà N, bà H tự nguyện thi hành án cũng như thỏa thuận với bà L. Tuy nhiên, bà N, bà H không chấp hành, cơ quan thi hành án dự kiến sẽ kê biên tài sản là nhà và đất tại tổ 02 (nay là tổ 01), phường HG, thành phố C để đảm bảo thi hành án.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố C nhất trí với yêu cầu của bà Hoàng Thị L, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố C xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để cơ quan thi hành án có căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân thành phố C đã đưa các con của bà N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản tự khai ngày 05/9/2022; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Xuân NM, ông Huỳnh Xuân HA, bà Huỳnh Minh HO trình bày: Bà Hoàng Thị N và ông Huỳnh Đ kết hôn năm 1960, sau khi kết hôn ông bà nhận chuyển nhượng 01 mảnh đất tại phố B, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ông bà sinh được 07 người con, 01 người con đã chết, còn 06 người con. Đến năm 1996 ông Đ chết, bà N và các con vẫn sinh sống cùng nhau trong ngôi nhà tại phố B. Đến năm 2008 gia đình bán lại ngôi nhà tại phố B cho nhà TC (hiệu vàng TC) với giá 900 triệu đồng để trả nợ cho Ngân hàng và trả các khoản nợ khác do bà Huỳnh Thị Minh H vay, số tiền còn lại là 400 triệu đồng năm 2009 anh chị em mua ngôi nhà của vợ chồng ông Q bà H với số tiền là 190 triệu đồng, cho bà Hoàng Thị N đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền còn lại cho bà N sửa sang, xây dựng lại công trình phụ và các phần khác đã xuống cấp, còn thiếu anh chị em góp thêm để hoàn thiện ngôi nhà này.

Tại Bản tự khai ngày 17/11/2022 ông Huỳnh Tuấn P cho biết: Đối với ngôi nhà cấp IV, diện tích khoảng 40m2 trên thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15 – I – B – c trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoàng Thị N ông không biết nguồn gốc của ai, chỉ biết anh em ông góp tiền đưa mẹ ông là bà N để mua. Đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị L ông không có ý kiến gì, ông để cho mẹ ông là bà Hoàng Thị N tự quyết định.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/12/2022, ông Huỳnh Xuân HA cho biết ông nhất trí với nội dung bản tự khai ngày 05/9/2022 đứng tên ông do vợ ông là Lã Thị G ký thay.

Ngày 16/9/2022, Tòa án nhân thành phố C đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15 – I – B – c, địa chỉ: tổ 01, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 895431 do Ủy ban nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08/6/2009 mang tên hộ bà Hoàng Thị N, địa chỉ tại tổ 02 (nay là tổ 01), phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Kết quả như sau:

Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15 – I- B- c có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường dân sinh; Phía Đông giáp đất bà Nông Bảo T; Phía Tây giáp đất

bà Đoàn Thị T; Phía Nam giáp đất ông Lưu Thiếu C. Do xung quanh thửa đất đã có tường xây kiên cố nên cơ quan đo vẽ tiến hành đo đạc theo ranh giới của tường xây.

Về tài sản – vật kiến trúc:

Nhà: Móng đá (hoặc gạch chỉ), tường xây gạch chỉ 110 bổ trụ, có trát, sơn tường, điện nổi, cửa gỗ, nền lát gạch ceramic, trần nhựa, xà gồ gỗ, mái lợp fibroximang, diện tích kích thước lấy theo sơ đồ trích đo;

Bếp móng đá hộc (gạch chỉ) tường xây gạch chỉ 110, ốp tường cao 1,8m, phía trên sơn tường, có trát, nền lát gạch ceramic, điện nổi, cửa nhôm kính, xà gồ gỗ, mái lợp fibroximang, trần nhựa, kích thước 3,5m x 2,1m = 7,35m^2;

Nhà vệ sinh gạch chống trơn, tường xây gạch chỉ 110, ốp chân tường, nước hai nguồn nóng lạnh, cửa nhôm kính, xí bệt, có bể tự hoại, đổ sàn bê tông cốt thép, diện tích kích thước 2,7m x 2,1m = 5,67m^2;

Sân láng vữa xi măng, mặt sân lát gạch chống trơn, diện tích kích thước lấy theo sơ đồ trích đo;

Hàng rào xây gạch chỉ 110, có trát một mặt, sơn một mặt, kích thước 2,1m x 2,75m = 5,775m^2.

Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 157, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L (Ln). Xác định thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15-I-B-c, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 895431 mang tên hộ bà Hoàng Thị N do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08/6/2009 là 59,2 m2, diện tích theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 59,5 m2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; địa chỉ: tổ 01 (tổ 02 cũ), phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà, bếp, nhà vệ sinh, sân, hàng rào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Hoàng Thị N. (*có sơ đồ kèm theo*)

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Hoàng Thị L (Ln) tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Hoàng Thị L (Ln) đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra còn quyết định về lệ phí và quyền kháng cáo.

Không nhất trí với Quyết định trên, ngày 20/02/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hoàng Thị N, bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét lại toàn bộ nội dung của Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên họp phúc thẩm, bà Hoàng Thị N, bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN giữ nguyên nội dung kháng cáo, ngoài ra không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày luận cứ:
Về căn cứ yêu cầu để giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 895431 mang tên hộ bà Hoàng Thị N do UBND thị xã C cấp ngày 08/6/2009. Đơn xin xác nhận nhân khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/2019 của Công an phường HG. Điều 3 khoản 29 Luật đất đai năm 2013: " Hộ gia đình đang sử dụng đất là những người có quan hệ về hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 895431 mang tên hộ bà Hoàng Thị N, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, nhân khẩu của hộ bà N gồm có 3 người: Bà Hoàng Thị N, Huỳnh Xuân HN và Huỳnh Thị Minh H. Theo đó, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 30/12/2008 có chữ ký chủ sở hữu sử dụng đất là ông HN ký. Thửa đất nói trên đều có quyền sở hữu, sử dụng của cả 3 người có tên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Từ những viện dẫn nêu trên tôi đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên họp phát biểu quan điểm: Qua kiểm sát việc thụ lý giải quyết của tòa án, nghiên cứu hồ sơ và đánh giá chứng cứ, đối với từng nội dung cụ thể trong đơn kháng cáo, KSV có ý kiến như sau:

- Thứ nhất: Về tố tụng: Vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 21/7/2022 nguyên đơn là bà Hoàng Thị L, do thẩm phán P là chủ tọa. Tôi đã làm đơn đề nghị thay đổi thẩm phán nhưng tòa án thành phố C không chấp nhận cũng không thông báo cho tôi biết lý do không được chấp nhận. Tuyên án sai pháp luật, tuyên hợp đồng mua bán vô hiệu nhưng vẫn tuyên cho bà L giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi tôi trả đủ số tiền nợ được tuyên tại bản án số: 18/2021/DS-ST ngày 29/02/2021 cho bà L thì tôi mới được lấy lại GCNQSDĐ với bà L.

Bản án số: 18/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân thành phố C do thẩm phán Bế L P thụ lý giải quyết.

Việc dân sự thụ lý số:34/2022/TLST- DS ngày 21/7/2022 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án do thẩm phán Đinh Thị Hoài P thụ lý giải quyết và ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐST-DS ngày 13/02/2023.

Người kháng cáo cho rằng: "Có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ" tuy nhiên không xuất trình được chứng minh được việc họ không vô tư khi làm nhiệm vụ. Hơn nữa việc giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự là do 2 thẩm phán khác nhau (Bế L P và Đinh Thị Hoài P) không phải do cùng 1 thẩm phán, cũng không thuộc trường hợp luật quy định phải thay đổi thẩm phán, do đó việc thay đổi thẩm phán là không có căn cứ. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc dân sự trên cơ sở có quyết định phân công thẩm phán, tuân thủ đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 52, Điều 53 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của các đương sự.

- Thứ hai: Về GCNQSDĐ: GCNQSDĐ mang hộ bà Hoàng Thị N là hoàn toàn đúng pháp luật.Cho rằng nguồn gốc tiền mua nhà là của riêng bà N, không xem xét di sản thừa kế cho bố mẹ (H, HA, N, NM, HN, HO) để lại, tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ hộ bà N có 3 nhân khẩu.

Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định như sau:

"Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất."

Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về sở hữu chung của các thành viên gia đình*: "Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận… Trường hợp không có thỏa thuận thì áp dụng quy định về sở hữu chung theo phần…".*

Luật Đất đai năm 2013 đã nêu rõ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, đồng nghĩa với việc không phải cứ có chung hộ khẩu là có chung quyền sử dụng đất. Bộ luật dân sự năm 2015 cũng quy định rõ về tài sản của các thành viên trong gia đình cùng sống chung.

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C cung cấp thì thửa đất số 117 có nguồn gốc là do

bà Hoàng Thị N (cá nhân) nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T diện tích 59,2m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 30m^2.

Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ ghi tên người sử dụng đất là 1 mình cá nhân bà Hoàng Thị N (BL 67).

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, bà N, bà H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (các con của bà N) đều xác nhận nhà và đất là thuộc quyền sử dụng chung của bà N và 06 người con do dùng số tiền chuyển nhượng ngôi nhà ở phố B để mua của ông Q và bà H. Ngoài lời khai của bà N và 6 người con ra không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nhà và đất thuộc quyền sở hữu chung của bà N và các con.

Căn cứ Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013, Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo này của đương sự.

- Thứ ba: Về bản di chúc: Tòa án lấy bản di chúc của bà làm căn cứ giải quyết là thiếu chính xác. Di chúc đã có chứng thực của UBND phường HG, nhưng nội dung di chúc đúng hay chưa, tài sản định đoạt có thuộc quyền sở hữu quản lý hay chưa còn phải được xem xét quyết định bằng bản án hoặc phân chia di sản thừa kế.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng công nhận ngôi nhà và đất hiện nay mấy mẹ con tôi đang sinh sống là tài sản chung, là một phần di sản thừa kế của bố tôi để lại cho các con.

Trong nội dung bản di chúc, mặc dù di chúc chưa có hiệu lực pháp luật do bà Hoàng Thị N vẫn đang còn sống, tuy nhiên căn cứ nội dung di chúc có thể khẳng định đất và nhà thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Hoàng Thị N nên bà N mới tự mình định đoạt cho bà H (Khi đó di chúc được lập năm 2017), đến năm 2020 khi phát sinh tranh chấp gia đình bà N mới cho rằng thửa đất và tài sản trên đất là sở hữu chung của mấy mẹ con.

Việc các đương sự cho rằng ngôi nhà và đất hiện nay mấy mẹ con các đương sự đang sinh sống là tài sản chung, là một phần di sản thừa kế của bố các đương sự để lại cho các con là không đúng. Bởi lẽ:

- Bà Hoàng Thị N và ông Huỳnh Đ kết hôn năm 1960, sau khi kết hôn ông bà nhận chuyển nhượng 01 mảnh đất tại phố B. Đến năm 1996 ông Đ chết, bà N và 6 người con vẫn sinh sống cùng nhau tại ngôi nhà phố B. Nghĩa là mảnh đất tại phố B là tài sản chung của vợ chồng ông Đ và bà N. Trước đó khi ông Đ chết, bà N và các con cũng không có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ để lại. Tuy nhiên đến năm 2008 gia đình bà N chuyển nhượng ngôi nhà tại phố B cho hiệu vàng TC với giá 900.000.000 đồng. (Tài sản chung của ông Đ và bà N đã được đem bán).

Ngôi nhà và diện tích đất 59,2m^2 thuộc thửa số 177, tờ bản đồ số 15-I-B-c trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do 1 mình bà Hoàng Thị N nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T vào cuối năm 2008 (do 1 mình cá nhân bà N ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng BL 76-78, trong hợp đồng không ghi năm, không ghi giá trị chuyển nhượng) do đó không thể cho rằng đây là tài sản chung của bà N và ông Đ.

Căn cứ Điều 158 (quyền sở hữu), Điều 205 (Sở hữu riêng và tài sản thuộc sở hữu riêng) Điều 213 (Sở hữu chung của vợ chồng) BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của các đương sự.

Căn cứ Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013, Điều 158 (quyền sở hữu), Điều 205 (Sở hữu riêng và tài sản thuộc sở hữu riêng), Điều 212 (sở hữu chung của các thành viên trong gia đình), Điều 213 (Sở hữu chung của vợ chồng) BLDS năm 2015; Điều 52 (những trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng), Điều 53 (thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân), điểm a khoản 3 Điều 375 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo này của các đương sự, giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐST-DS ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là việc dân sự về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án thuộc thẩm quyền, thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 13/02/2023 Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên họp giải quyết việc dân sự, ngày 20/02/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N, Huỳnh Thị Minh H, Huỳnh Xuân HN, Huỳnh Xuân NM, Huỳnh Minh HO, Huỳnh Xuân HA có đơn kháng cáo không nhất trí với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo nộp tiền lệ phí phúc thẩm và tống đạt hợp lệ cho người kháng cáo, tuy nhiên ông Huỳnh Xuân NM, bà Huỳnh Minh HO, ông Huỳnh Xuân HA không nộp tiền lệ phí theo quy định. Bà N có đơn xin miễn án phí, anh HN, chị H nộp lệ phí phúc thẩm theo quy định.

Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý giải quyết việc dân sự trên theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N, Huỳnh Thị Minh H, Huỳnh Xuân HN:

[2.1] Bà N, bà H, ông HN cho rằng đối với việc dân sự trên do Thẩm phán P làm chủ tọa là không vô tư khách quan, bà đã đề nghị thay đổi thẩm phán nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, như vậy đã vi phạm quyền tố tụng của bà.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do Thẩm phán bà Bế L P làm chủ tọa phiên tòa. Đối với việc dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-DS ngày 21/7/2022 về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án do Thẩm phán Đinh Thị Hoài P làm chủ tọa phiên họp. Đây là hai vụ việc có quan hệ pháp luật khác nhau do hai thẩm phán riêng biệt giải quyết, người kháng cáo không có tài liệu gì để chứng minh thẩm phán giải quyết việc dân không vô tư khách quan, do đó không thuộc trường hợp thay đổi thẩm phán theo quy định tại Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về việc thay đổi thẩm phán là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bà N, bà H, ông HN kháng cáo cho rằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 177 và tài sản trên đất tại tổ 01 (tổ 02 cũ) phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng là tài sản chung của bà N và các con.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Về nguồn gốc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 15-I-B-c và tài sản trên đất tại địa chỉ tổ 01 (tổ 02 cũ) phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng: Tại các bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Minh H, Huỳnh Xuân HN đều cho rằng thửa đất số 177 và tài sản trên đất là do các anh chị em cùng nhau mua với vợ chồng anh Q, chị H ở phường N sau đó cho bà N đại diện đứng tên trên hợp đồng. Tuy nhiên, tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lại thể hiện việc chuyển nhượng thửa đất trên giữa bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Tổ 02, PC, phường HG, thị xã C (nay là thành phố C) với bà Hoàng Thị N. Quá trình giải quyết vụ án, ông HN, bà H không cung cấp được văn bản thể hiện việc mua bán cũng như sự thỏa thuận giữa các anh chị em về việc cho bà N đứng tên thửa đất đã mua chung. Tại Điều 212 Bộ luật dân sự quy định:

"1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.

2. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia

đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Trường hợp không có thỏa thuận thì áp dụng quy định về sở hữu chung theo phần được quy định tại Bộ luật này và luật khác có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 213 của Bộ luật này"

Mặt khác, tại bộ hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C cung cấp thể hiện: Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất là bà Hoàng Thị N, như vậy là bà N kê khai quyền sử dụng đất với tư cách là cá nhân bà N chứ không phải của hộ gia đình, bởi theo quy định của pháp luật, nếu kê khai người sử dụng đất đối với hộ gia đình phải ghi rõ: *"Hộ ông/bà: và ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp CMND của chủ hộ, số và ngày cấp sổ hộ khẩu.."*.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/8/2022, bà Hà Thị Lệ U – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, tỉnh Cao Bằng thông tin: *" Trước đây, có giai đoạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình do phôi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có in sẵn nội dung "Hộ ông(bà)"*. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên người sử dụng đất là hộ bà Hoàng Thị N nhưng về bản chất người sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là cá nhân bà Hoàng Thị N.

[2.3] Đối với văn bản "Di chúc" ngày 20/7/2017 đã được UBND phường HG chứng thực, nội dung văn bản thể hiện bà Hoàng Thị N để lại cho con gái là bà Huỳnh Thị Minh H được sở hữu toàn bộ ngôi nhà và đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ 15_I_B_c, địa chỉ ngõ 128/05, tổ 2, phường HG, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, diện tích 59,2m^2 , di chúc lập năm 2017 đến năm 2020 khi phát sinh tranh chấp gia đình bà N mới cho rằng thửa đất số 177 và tài sản trên đất thuộc sở hữu chung của mấy mẹ con. Bà N, bà H, ông HN kháng cáo cho rằng bà N không có quyền tự định đoạt. Hội đồng phúc thẩm xét thấy, như đã phân tích ở trên, thửa đất số 177 và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cá nhân bà N, do đó bà N có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất số 177 và tài sản trên đất là tài sản của bà Hoàng Thị N và việc cơ quan thi hành án có quyền xem xét khi thi hành bản án đối với tài sản của bà N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, có căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho cho bà Hoàng Thị N.

[3] Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN phải nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự, bà Hoàng Thị N là người cao tuổi nên được miễn lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng phúc thẩm nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N, bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN.

Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ theo khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Hoàng Thị N được miễn nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự.

Bà Huỳnh Thị Minh H, ông Huỳnh Xuân HN phải nộp mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003353 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Xác nhận ông HN đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002254 ngày 07/3/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB;
- Chi cục THADS TPC;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như